

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp
tỉnh Bình Định đến năm 2020, định hướng đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân,
Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Quyết định số 54/2009/QĐ-TTg ngày 14/4/2009 của Thủ tướng
Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh
Bình Định đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2013/NQ-HĐND ngày 11/12/2013 của Hội đồng
nhân dân tỉnh Bình Định khóa XI, kỳ họp thứ 7 về nội dung Quy hoạch tổng thể
phát triển công nghiệp tỉnh Bình Định đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 71/TTr-SCT
ngày 16/12/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp tỉnh Bình
Định đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, với các nội dung chủ yếu như sau:

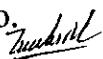
I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển

- Phát triển công nghiệp tỉnh Bình Định phải phù hợp với Quy hoạch phát
triển kinh tế - xã hội và Quy hoạch phát triển các ngành của tỉnh, phù hợp với Quy
hoạch công nghiệp của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và cả nước, đồng thời
gắn với quá trình hội nhập kinh tế khu vực và thế giới.

- Tạo dựng môi trường đầu tư thuận lợi để thu hút các nguồn vốn đầu tư từ
các thành phần kinh tế, đặc biệt là nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài. Ưu tiên bố trí
các công trình có quy mô lớn để tạo bước phát triển đột phá về công nghiệp.

- Phát huy vai trò các ngành công nghiệp truyền thống và các ngành có tiềm
năng, thế mạnh của tỉnh; đồng thời khai thác các tiềm năng thế mạnh của tỉnh để
phát triển các ngành, sản phẩm công nghiệp mới, chế biến sâu có giá trị gia tăng
cao.



- Phát triển công nghiệp với quy mô và cơ cấu hợp lý; phát triển công nghiệp chú trọng bảo vệ môi trường, gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh quốc gia và giải quyết các vấn đề xã hội.

2. Mục tiêu phát triển

a. Mục tiêu tổng quát

Phấn đấu đến năm 2020, Bình Định cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp, gắn với phát triển bền vững; đóng góp tích cực trong công nghiệp của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và sau năm 2020 là tỉnh công nghiệp phát triển theo hướng hiện đại.

- Giai đoạn từ nay đến năm 2015:

+ Đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư, thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào Khu kinh tế Nhơn Hội. Tập trung đầu tư đồng bộ hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, tạo điều kiện cần thiết, thuận lợi để thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp.

+ Mở rộng các cơ sở công nghiệp hiện có trong ngành chế biến nông, thủy sản; chế biến thực phẩm, đồ uống (bia, đường, sữa, nước giải khát ...), sản xuất vật liệu xây dựng và đầu tư mới một số nhà máy công nghiệp như lọc, hóa dầu, chế biến sâu titan, pigment, nhiệt điện ...

- Giai đoạn 2016 – 2020:

+ Tiếp tục tập trung hoàn thiện hạ tầng và thu hút đầu tư vào khu kinh tế, các khu, cụm công nghiệp.

+ Tăng cường thu hút đầu tư phát triển các ngành nghề mới và công nghệ cao như: công nghiệp điện tử - bán dẫn và công nghệ thông tin; công nghiệp hóa dược và tân dược; vật liệu mới, công nghệ sinh học và công nghiệp hỗ trợ; đầu tư, mở rộng một số ngành công nghiệp có điều kiện phát triển.

- Giai đoạn 2021 - 2030:

+ Sắp xếp và tổ chức lại sản xuất một số ngành, sản phẩm công nghiệp theo hướng đảm bảo phát triển sản xuất ổn định, bền vững, xử lý triệt để các vấn đề môi trường.

+ Tập trung đổi mới công nghệ các cơ sở công nghiệp hiện có trên địa bàn tỉnh nhằm nâng cao chất lượng, năng suất lao động và tạo ra các sản phẩm theo hướng có hàm lượng công nghệ cao.

b. Mục tiêu cụ thể

Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII và mục tiêu của Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Định đến năm 2020, mục tiêu phát triển cụ thể của công nghiệp Bình Định đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 theo **phương án cơ sở** như sau:

- Giai đoạn đến năm 2015: Trên cơ sở số liệu thực hiện đến năm 2012, dự báo các chỉ tiêu kinh tế đạt trong kế hoạch giai đoạn đến năm 2015 và các khó khăn kinh tế dẫn đến tốc độ tăng trưởng của ngành công nghiệp và xây dựng có thể đạt thấp hơn so với mục tiêu đề ra.

Phương án có tính đến các dự án công nghiệp như: Dự án mở rộng nhà máy bia Quy Nhơn (công suất 100 triệu lít/năm), Nhà máy đường Bình Định (50.000 tấn/năm), Nhà máy sữa và các sản phẩm từ sữa... Đầu tư mới một số nhà máy chế biến thủy hải sản; các dự án chế biến gỗ, chế biến khoáng sản, dệt may - da giày... sẽ được đưa vào sản xuất và phát huy khoảng 50-60% công suất.

- Giai đoạn 2016 - 2020: Tốc độ tăng trưởng công nghiệp được tính toán trên cơ sở các mục tiêu phát triển của Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh đến năm 2020, với phần lớn các dự án ngành công nghiệp trong giai đoạn 2011-2015 tiếp tục phát huy hiệu quả và mở rộng sản xuất Nhà máy bia Quy Nhơn, Nhà máy đường Bình Định, Nhà máy sữa, các dự án chế biến gỗ, khoáng sản, dệt may và phát triển các dự án: Nhà máy nhiên liệu sinh học (công suất 100.000 m³/năm), các Nhà máy sản xuất xi măng, dược phẩm, hóa chất - phân bón, chế biến khoáng sản, cơ khí - điện tử...

Trong điều kiện hội tụ các yếu tố thuận lợi trong việc thu hút và thực hiện các dự án đầu tư công nghiệp, có tính đến sự hình thành và phát triển của Dự án Tổ hợp lọc, hóa dầu Nhơn Hội với tổng công suất 30 triệu tấn/năm, Quy hoạch đề xuất xây dựng các mục tiêu phát triển công nghiệp từ nay đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 chuyển sang **phương án phần đầu** như sau:

- *Giai đoạn 2011 - 2015*: Là phương án tính toán trên cơ sở số liệu thực hiện năm 2012, dự báo tốc độ tăng trưởng các ngành kinh tế giai đoạn 2011-2015 theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bình Định lần thứ XVIII và Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội tỉnh giai đoạn 2011-2015.

Phương án có tính đến các dự án công nghiệp: Dự án mở rộng Nhà máy bia Quy Nhơn (công suất 100 triệu lít/năm), Nhà máy đường Bình Định (50.000 tấn/năm); Nhà máy sữa và các sản phẩm từ sữa... Các dự án chế biến gỗ, chế biến khoáng sản, dệt may-da giày... sẽ được đưa vào sản xuất ổn định và phát huy khoảng 70-80% công suất và từng bước mở rộng sản xuất.

- *Giai đoạn 2016 - 2020*: Là phương án xét đến việc hội tụ các yếu tố thuận lợi trong việc thu hút và thực hiện các dự án đầu tư công nghiệp. Phương án này có tính đến sự hình thành và phát triển của Dự án Tổ hợp lọc, hóa dầu Nhơn Hội (tổng công suất 30 triệu tấn/năm) và đạt sản lượng ban đầu khoảng 6,0 triệu tấn trong giai đoạn đến năm 2020.

Dự báo phát triển công nghiệp theo hai phương án

Stt	Diễn giải	Giá trị sản xuất công nghiệp (tỷ đồng)		Tỷ trọng ngành công nghiệp trong cơ cấu kinh tế toàn tỉnh (giá hiện hành)		Tốc độ tăng trưởng bình quân (%/năm)	
		2015	2020	2015	2020	2011-2015	2016-2020
1	Phương án cơ sở	12.580	24.416	23,6 %	27,7 %	13,8%	14,2%
2	Phương án phần đầu	16.900	42.114	23,6 %	31,4 %	20,8%	20%

II. NỘI DUNG QUY HOẠCH

1. Định hướng phát triển công nghiệp theo vùng

a. Vùng “Dọc Quốc lộ 19 và thành phố Quy Nhơn”

Bao gồm thành phố Quy Nhơn, thị xã An Nhơn, các huyện Tây Sơn và Tuy Phước. Dự báo trong giai đoạn đến năm 2020, các ngành, sản phẩm công nghiệp sẽ phát triển mạnh ở trong vùng nói chung và Khu kinh tế Nhơn Hội nói riêng là: công nghiệp lọc, hóa dầu, đóng tàu, sản phẩm hóa chất, phân bón, nhựa, công nghiệp sản xuất và lắp ráp điện, điện tử, dệt may, công nghiệp hàng tiêu dùng, công nghiệp hỗ trợ...

Trong giai đoạn sau năm 2020, dự báo một số sản phẩm của ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động hoặc gây ảnh hưởng nhiều đến môi trường như ngành dệt may - da giày, ngành cao su, hóa chất... sẽ có xu hướng hạn chế đầu tư hoặc có sự chuyển dịch dần ra các địa phương lân cận. Các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn vùng nói chung và đặc biệt là tại thành phố Quy Nhơn cũng có xu thế chỉ ưu tiên thu hút đầu tư và lựa chọn những ngành, sản phẩm công nghiệp có hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao, sử dụng ít lao động và giảm thiểu ảnh hưởng đến môi trường trong quá trình sản xuất.

b. Vùng “Đồng bằng ven biển và ven Quốc lộ 1A”

Bao gồm 3 huyện Hoài Nhơn, Phù Mỹ và Phù Cát. Tiếp tục phát triển các ngành công nghiệp đang có thế mạnh như: chế biến khoáng sản (titan, quặng sắt); chế biến gỗ, sản xuất vật liệu xây dựng (sản phẩm gạch ngói, bê tông, đá granite...), chế biến thủy sản; sản phẩm nhựa, hóa chất; may mặc...

Tập trung đầu tư xây dựng và khai thác có hiệu quả Trung tâm khai thác, chế biến thủy sản và dịch vụ hậu cần nghề cá tại Vĩnh Lợi (huyện Phù Mỹ) và hoàn thành xây dựng các Cảng cá Đề Gi (huyện Phù Cát) và Tam Quan (huyện Hoài Nhơn).

c. Vùng “Trung du và miền núi”

Bao gồm 4 huyện An Lão, Hoài Ân, Vĩnh Thạnh và Vân Canh. Tiếp tục hình thành và phát triển các vùng chuyên canh trồng cây công nghiệp tập trung, lâm nghiệp, vùng nguyên liệu giấy, gỗ, lâm đặc sản, cây ăn quả và chăn nuôi gia súc, gia cầm tạo nguồn nguyên liệu cho các nhà máy chế biến.

Dự báo phát triển công nghiệp theo vùng lãnh thổ

Stt	Diễn giải	Giá trị sản xuất công nghiệp (tỷ đồng)		Cơ cấu công nghiệp		Tốc độ tăng trưởng bình quân (%/năm)	
		2015	2020	2015	2020	2011-2015	2016-2020
1	Vùng dọc Quốc lộ 19 và Tp Quy Nhơn	10.672	19.696	84,8%	80,7%	13,2%	13,0%

Trần Văn

2	Vùng đồng bằng ven biển và ven Quốc lộ 1A	1.748	4.172	13,9%	17,1%	17,5%	19,0%
3	Vùng Trung du và miền núi	160	548	1,3%	2,2%	20%	28%
Tổng giá trị		12.580	24.416	100%	100%	13,8%	14,2%

2. Quy hoạch phát triển một số ngành công nghiệp chủ yếu

Trong giai đoạn từ nay đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 quy hoạch phát triển một số ngành công nghiệp chủ yếu của tỉnh bao gồm: Công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm và đồ uống; Công nghiệp chế biến gỗ, giấy; Công nghiệp hóa chất và dược phẩm; Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng; Công nghiệp dệt may - da giày; Công nghiệp chế tạo máy và sản xuất kim loại; Công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản; Công nghiệp sản xuất và phân phối điện, nước.

Dự báo cơ cấu các ngành công nghiệp tỉnh Bình Định đến năm 2020
(theo phương án cơ sở)

Stt	Diễn giải	Giá trị SXCN (tỷ đồng)		Cơ cấu công nghiệp		Tốc độ tăng trưởng bình quân (%/năm)	
		2015	2020	2015	2020	2011-2015	2016-2020
1	Công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản	427,17	1.303,6	3,4%	5,34%	13,7%	25,0%
2	Công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm và đồ uống	3.156,52	5.688,16	25,09%	23,3%	14,0%	12,5%
3	Công nghiệp chế biến gỗ, giấy	4.582,79	7.897,8	36,43%	32,35%	12,0%	11,5%
4	Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng	616,2	1.734,55	4,9%	7,1%	12,0%	23,0%
5	Công nghiệp hóa chất và dược phẩm	1.262,69	2.652,08	10,04%	10,86%	15,3%	16,0%
6	Công nghiệp dệt may, da giày	840,8	1.826,86	6,68%	7,48%	20,0%	16,8%
7	Công nghiệp chế tạo máy và sản xuất kim loại	492,68	740,82	3,92%	3,03%	12,5%	8,5%
8	Công nghiệp sản xuất và phân phối điện, nước	935,46	1.964,79	7,44%	8,05%	18,0%	16,0%
9	Công nghiệp khác	265,69	607,34	2,1%	2,49%	16,0%	18,0%
Tổng giá trị		12.580	24.416	100%	100%	13,8%	14,2%

3. Quy hoạch phát triển công nghiệp hỗ trợ

Tập trung thu hút và khuyến khích phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ phục vụ cho ngành công nghiệp lọc, hóa dầu; sản xuất, phân phối và dịch vụ ngành điện; ngành công nghiệp Dệt may- da giày; ngành điện- điện tử; sản xuất lắp ráp ô tô; cơ khí chế tạo; sản phẩm công nghiệp hỗ trợ phục vụ chế biến gỗ; sản phẩm vi lượng phục vụ sản xuất thức ăn chăn nuôi...

Xây dựng Quy hoạch phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Bình Định đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 làm cơ sở để triển khai thực hiện.

4. Quy hoạch phát triển các khu, cụm công nghiệp

a. Khu công nghiệp

Tiếp tục đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng và thu hút đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp vào các Khu công nghiệp Phú Tài, Long Mỹ, Nhơn Hòa, Hòa Hội và các Khu công nghiệp trong Khu kinh tế Nhơn Hội (Khu công nghiệp A, B và C).

Hoàn thành giải phóng mặt bằng và triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Cát Trinh (huyện Phù Cát). Từng bước thu hút đầu tư quy hoạch chi tiết và phát triển các Khu công nghiệp Bồng Sơn (huyện Hoài Nhơn), Bình Nghi - Nhơn Tân (huyện Tây Sơn). Hình thành một số Khu liên hợp đô thị- công nghiệp- dịch vụ đáp ứng nhu cầu phát triển. Tiếp tục nghiên cứu đầu tư phát triển mở rộng các khu công nghiệp hiện có hoặc quy hoạch thêm một số khu công nghiệp mới, trên cơ sở nâng cấp từ các cụm công nghiệp đang hoạt động hoặc quy hoạch mới tại các vị trí thuận lợi khác.

b. Cụm công nghiệp

Triển khai thực hiện có hiệu quả quy hoạch phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025 đã được UBND tỉnh Bình Định phê duyệt tại Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 19/01/2012, theo đó tổng số cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh có 62 cụm công nghiệp, với tổng diện tích 1.921 ha (giai đoạn 2006-2010 đã quy hoạch là 34 cụm, diện tích 1.130 ha).

5. Quy hoạch phát triển làng nghề tiểu thủ công nghiệp

Tập trung phát triển các nhóm nghề theo quy hoạch đã được phê duyệt như chế biến nông, lâm sản; nhóm chế biến hải sản; nhóm sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ; nhóm sản xuất công cụ, dụng cụ sản xuất và hàng tiêu dùng.

Xây dựng Quy hoạch phát triển làng nghề tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 làm cơ sở để triển khai thực hiện.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Đề ngành công nghiệp tỉnh tiếp tục phát triển với tốc độ cao, nâng cao chất lượng phát triển trong giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, hướng đến một cơ cấu công nghiệp hợp lý, có hàm lượng giá trị gia tăng cao và thân thiện

với môi trường, cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp sau:

1. Tạo dựng môi trường thu hút đầu tư

Điều chỉnh, bổ sung chính sách hỗ trợ đầu tư vào cơ hạ tầng khu kinh tế, các khu, cụm công nghiệp có tính khả thi và phù hợp với khả năng của địa phương. Tăng cường bố trí vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho Khu kinh tế Nhơn Hội để đầu tư đồng bộ công trình hạ tầng thiết yếu. Hàng năm, tính cân đối nguồn vốn cho hỗ trợ đầu tư vào cơ sở hạ tầng các công trình kỹ thuật bên ngoài hàng rào khu, cụm công nghiệp, các công trình dịch vụ công cộng liên quan.

Quy hoạch các khu, cụm công nghiệp tập trung trên địa bàn tỉnh gắn liền với quy hoạch đô thị - dịch vụ liên quan. Chú trọng dành quỹ đất sạch, có chính sách hỗ trợ tích cực hiệu quả để xây dựng nhà ở và các công trình văn hóa xã hội cho các lao động làm việc trong các khu công nghiệp.

2. Giải pháp về vốn đầu tư

Đẩy mạnh thu hút nguồn vốn đầu tư từ các doanh nghiệp trong và ngoài nước, nguồn vốn từ các chương trình, dự án; tăng cường huy động các nguồn vốn khác thông qua các hình thức thu hút đầu tư trực tiếp, hợp tác, liên kết, liên doanh của các tập đoàn, các công ty lớn trong cả nước.

Sử dụng các công cụ huy động vốn mới trên thị trường tài chính, thị trường chứng khoán và thị trường tiền tệ như phát hành trái phiếu, tín phiếu với sự đảm bảo bằng ngân sách của tỉnh, của Chính phủ, cho các công trình trọng điểm trên địa bàn. Áp dụng việc đầu tư trực tiếp từ các tổ chức ngân hàng, bảo hiểm... vào công nghiệp như một thành viên góp vốn.

Sử dụng vốn đầu tư có hiệu quả thông qua việc tập trung đầu tư có trọng điểm những dự án lớn để nhanh chóng đưa vào hoạt động.

3. Giải pháp về phát triển, đầu tư hệ thống hạ tầng

Xây dựng chương trình đầu tư cụ thể nhằm nâng cấp, mở rộng và xây dựng mới các tuyến giao thông quan trọng từ nay đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, bao gồm các tuyến đường kết nối, đường giao thông với các khu, cụm công nghiệp.

Thực hiện tốt công tác dự báo nhu cầu phụ tải điện để kịp thời có kế hoạch đầu tư xây dựng các đường dây và trạm biến áp theo quy hoạch đã được duyệt. Từng bước tách riêng lưới điện phục vụ sản xuất công nghiệp với lưới điện sinh hoạt.

Lập kế hoạch cụ thể, bố trí vốn và tiến độ thực hiện các dự án cấp nước phục vụ cho các khu, cụm công nghiệp một cách đồng bộ với tiến độ đi vào hoạt động của các khu, cụm công nghiệp.

Đẩy nhanh tiến độ xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, tổ chức hệ thống dịch vụ phù hợp để thu hút các nhà đầu tư sản xuất công nghiệp.

4. Giải pháp về khoa học công nghệ

Tổ chức triển khai các chương trình phát triển khoa học công nghệ ứng

Trần Đình

dụng vào phát triển các ngành công nghiệp (Chương trình áp dụng ISO; Chương trình phát triển thị trường công nghệ ...).

Khuyến khích phát triển các tổ chức tư vấn công nghệ, hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc tìm kiếm thị trường cung cấp công nghệ, chọn lựa công nghệ phù hợp, hỗ trợ đàm phán các hợp đồng chuyển giao công nghệ.

Phát huy vai trò quản lý nhà nước về khoa học - công nghệ; hỗ trợ cung cấp thông tin công nghệ cho doanh nghiệp, làm cầu nối giữa doanh nghiệp với các trường đại học, viện, trung tâm nghiên cứu trên địa bàn cả nước để triển khai ứng dụng khoa học kỹ thuật và đáp ứng nhu cầu đổi mới công nghệ của doanh nghiệp.

Hỗ trợ vốn chuyển giao công nghệ cho cơ sở sản xuất quy mô nhỏ, chi phí đăng ký nhãn mác hàng hóa, xây dựng thương hiệu...

Trong điều kiện khoa học công nghệ phát triển nhanh và nguồn lực hạn chế, thực hiện đổi mới công nghệ cho ngành công nghiệp của tỉnh, cần được áp dụng một cơ cấu thích hợp. Lựa chọn đúng công nghệ cần đổi mới, cần quán triệt việc sử dụng công nghệ nhiều tầng, kết hợp công nghệ truyền thống với công nghệ hiện đại. Do đó, trong chuyển giao công nghệ cần khuyến khích, tranh thủ tối đa việc tiếp nhận công nghệ hiện đại; kiên quyết ngăn chặn việc nhập công nghệ lạc hậu. Thông qua đổi mới công nghệ, chuyển từ sản xuất và xuất khẩu sản phẩm thô sang chế biến và xuất khẩu sản phẩm tinh, sản xuất hàng thay thế nhập khẩu.

Đẩy mạnh việc nghiên cứu và ứng dụng khoa học - kỹ thuật phù hợp với từng ngành nghề; tập trung đầu tư công nghệ, kỹ thuật hiện đại cho một số ngành trọng điểm như: công nghiệp chế biến nông- lâm- thủy sản, công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản, sản xuất hàng xuất khẩu...

5. Giải pháp bảo vệ môi trường

Tăng cường kiểm tra, có biện pháp hướng dẫn và xử lý chất thải, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường trong quá trình sản xuất đối với các doanh nghiệp. Di dời hoặc đình chỉ sản xuất đối với các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, không tuân thủ các quy định về môi trường.

Xây dựng kế hoạch di dời và hạn chế phát triển các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường tại thành phố, thị xã và khu đông dân cư.

Lập danh mục các ngành nghề không được đầu tư sản xuất ngoài khu, cụm công nghiệp, các ngành nghề không được đầu tư sản xuất trong khu dân cư và công khai danh mục này cho các nhà đầu tư biết.

Đầu tư và hỗ trợ kinh phí để xây dựng các công trình xử lý môi trường. Không cấp phép đầu tư đối với các dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao. Tăng cường giáo dục, đào tạo và nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường trong các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất và người lao động trong việc phòng ngừa và bảo vệ môi trường. Tăng cường năng lực và trách nhiệm quản lý môi trường cho các Ban quản lý các khu, cụm công nghiệp, các địa phương.



Điều 2. Tổ chức thực hiện:

Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện công bố, hướng dẫn triển khai quy hoạch; quản lý, kiểm tra, kiểm soát việc tuân thủ quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh phù hợp với các quy hoạch ngành, lĩnh vực. Theo dõi, báo cáo đề xuất UBND tỉnh những vấn đề có liên quan đến hoạt động ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. *trudinh*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP CN;
- Lưu: VT, K6. *h6*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



anh
Hồ Quốc Dũng